

## 120 hỏi giải phẫu (môn cơ sở) dùng cho thi tuyển cao học và BSNT từ năm học 2013

1. Mô tả các thành và các lỗ của ống bẹn
2. Vẽ thiết đồ cắt ngang qua ống bẹn song song với dây chằng bẹn
3. Mô tả hình thể ngoài và liên quan của tim.
4. Mô tả cấu tạo của tim
5. Thực quản: phân đoạn và liên quan
6. Mô tả các tĩnh mạch đơn, bán đơn và bán đơn phụ
7. ống ngực: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng và liên quan
8. Kể tên các thành phần của trung thất sau và mô tả liên quan giữa các thành phần đó
9. Mô tả các giới hạn và sự phân chia trung thất, kể tên các thành phần của trung thất trên
10. Vẽ thiết đồ cắt ngang qua ngực (ngang đốt sống ngực VII)
11. Mô tả thần kinh tự chủ của tim và các động mạch vành.
12. Mô tả hệ thống dẫn truyền của tim và các động mạch vành.
13. Vẽ thiết đồ đứng ngang qua 4 buồng tim
14. Mô tả các tĩnh mạch của tim
15. Mô tả hình thể trong của tim
16. Mô tả động mạch chủ ngực
  
17. Mô tả và nêu cấu tạo của mạc nối nhỏ
18. Mô tả túi mạc nối
19. Vẽ thiết đồ đứng dọc qua túi mạc nối và kể tên các đường vào túi mạc nối
20. Mô tả liên quan của dạ dày
21. Mô tả các động mạch của dạ dày
22. Mô tả liên quan của khối tá tràng cố định và đầu tụy
23. Vẽ thiết đồ đứng dọc qua thận phải
24. Mô tả liên quan của thận phải
25. Mô tả liên quan của thận trái
26. Phân đoạn và liên quan của niệu quản
27. Mô tả hình thể ngoài, liên quan và các phương tiện cố định buồng trứng
28. Mô tả hình thể ngoài và liên quan của tử cung
29. Mô tả các dây chằng của tử cung
30. Mô tả động mạch tử cung

31. Vẽ sơ đồ các động mạch của dạ dày.
  32. Mô tả cấu tạo của thận
  33. Vẽ thiết đồ cắt đứng ngang qua vũ tử cung, tử cung và âm đạo.
  34. Mô tả dây chằng rộng và vẽ thiết đồ cắt đứng dọc qua dây chằng rộng.
  35. Mô tả hình thể ngoài của dạ dày
  36. Mô tả hình thể trong và cấu tạo của tử cung
  37. Mô tả các đoạn của vòi tử cung
  38. Vẽ thiết đồ đứng dọc qua chậu hông nữ
  39. Mô tả động mạch thận ở ngoài thận
- 
40. Động mạch nách: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và phân nhánh.
  41. Động mạch cánh tay: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và phân nhánh
  42. Động mạch trụ: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, phân nhánh và tiếp nối
  43. Động mạch quay: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, phân nhánh và tiếp nối
  44. Đám rối thần kinh cánh tay: vẽ sơ đồ, mô tả cấu tạo và kể tên các nhánh tận
  45. Thần kinh giữa: nguyên uỷ, đường đi-liên quan, sự phân nhánh và áp dụng
  46. Thần kinh trụ: nguyên uỷ, đường đi-liên quan, sự phân nhánh và áp dụng
  47. Thần kinh quay: nguyên uỷ, đường đi-liên quan, sự phân nhánh và áp dụng
  48. Mô tả các cung động mạch của gan tay
  49. Mô tả thần kinh giữa: đường đi, liên quan và vẽ sơ đồ cảm giác ở bàn tay.
  50. Mô tả thần kinh trụ: đường đi, liên quan và vẽ sơ đồ cảm giác ở bàn tay.
  51. Vẽ sơ đồ cảm giác ở mặt sau chi tròn.
  52. Mô tả các tiếp nối giữa: động mạch cánh tay-động mạch nách; động mạch cánh tay-động mạch quay; động mạch cánh tay-động mạch trụ; và động mạch quay-động mạch trụ
  53. Vẽ sơ đồ các tiếp nối của động mạch nách.
  54. Sự chi phối vận động và cảm giác cho bàn tay.
  55. Vẽ sơ đồ đám rối cánh tay và mô tả thần kinh cơ bờ

56. Vẽ sơ đồ cảm giác ở mặt trước chi tròn
57. Vẽ sơ đồ đám rối cánh tay và mô tả thần kinh nách
58. Mô tả các nhánh thần kinh bờ ở chi tròn: nguyên uỷ và vùng chi phối
59. Mô tả các cơ vùng cẳng tay trước
60. Trình bày sự chi phối thần kinh cho các cơ ở cánh tay, cẳng tay và gan bàn tay.
61. Vẽ sơ đồ tiếp nối động mạch giữa các động mạch cánh tay, quay và trụ ở khuỷu.
  
62. Động mạch cảnh chung: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng và liên quan của đoạn cổ
63. Động mạch cảnh ngoài: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và kể tên các nhánh bên
64. Động mạch cảnh trong: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng và liên quan
65. Mô tả các xoang tĩnh mạch màng cứng thuộc nhóm sau trên
66. Mô tả các xoang tĩnh mạch màng cứng thuộc nhóm trước dưới
67. Mô tả nguyên uỷ thần kinh V; mô tả đường đi, liên quan và sự phân nhánh của thần kinh mắt
68. 68. Mô tả nguyên uỷ thần kinh V; mô tả đường đi, liên quan và sự phân nhánh của thần kinh hàm trên
69. Mô tả nguyên uỷ thần kinh V; mô tả đường đi, liên quan và sự phân nhánh của thần kinh hàm dưới
70. Mô tả nguyên uỷ, đường đi và liên quan của thần kinh mặt
71. Mô tả nguyên uỷ, liên quan đoạn đi qua xương đá và kể tên các nhánh của thần kinh mặt
72. Mô tả liên quan, sự phân nhánh và tiếp nối của động mạch cảnh trong.
73. Mô tả liên quan, sự phân nhánh và tiếp nối của động mạch cảnh ngoài.
74. Mô tả sự phân chia vùng cổ trước bờn
75. Mô tả tĩnh mạch cảnh ngoài và tĩnh mạch cảnh trong.
76. Mô tả các cơ nhai
77. Mô tả các cơ tròn múng.
78. Mô tả các cơ dưới múng.
79. Vẽ thiết đồ đứng ngang qua xoang hang và Mô tả xoang hang.
80. Mô tả các nhánh chi phối cho da mặt và da đầu của thần kinh sinh ba
  
81. Mô tả vị trí và hình thể ngoài của tuỷ sống
82. Mô tả chất xám của tuỷ sống

83. Mô tả chất trắng của tủy sống
  84. Vẽ thiết đồ cắt ngang qua tủy sống
  85. Mô tả đường dẫn truyền cảm giác sâu có ý thức ở cổ, thân và các chi (bó thon và bó chêm)
  86. Mô tả đường dẫn truyền vận động có ý thức ở cổ, thân và các chi (bó tháp)
  87. Mô tả đường dẫn truyền vận động có ý thức ở đầu và một phần cổ (bó gó)
  88. So sánh thần kinh thân thể và thần kinh tủy chủ
  89. So sánh thần kinh giao cảm và thần kinh đối giao cảm
  90. Mô tả hình thể ngoài của đại não: Các rãnh gian thùy và các thùy trán, đỉnh.
  91. Mô tả hình thể ngoài của đại não: Các rãnh gian thùy và các thùy chẩm, thái dương và viền.
  92. Vẽ thiết đồ cắt đứng ngang qua đại não.
  93. Mô tả đường dẫn truyền xúc giác
  94. Mô tả đường dẫn truyền cảm giác đau và nhiệt.
  95. Vẽ sơ đồ võng động mạch não
  96. Mô tả chất trắng của đại não
  97. Mô tả chất xám của đại não
  98. Mô tả não thất bên
- 
99. Động mạch đùi: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan và nhánh bên
  100. Động mạch khoeo: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, nhánh bên và áp dụng
  101. Động mạch chày trước: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, nhánh bên và tiếp nối
  102. Động mạch chày sau: nguyên uỷ, đường đi, tận cùng, liên quan, nhánh bên và tiếp nối
  103. Đám rối thần kinh thắt lưng: vẽ sơ đồ và mô tả cấu tạo.
  104. Đám rối thần kinh cùng: mô tả cấu tạo và các nhánh chính (trừ TK ngồi).
  105. Thần kinh ngồi: nguyên uỷ, đường đi, liên quan, nhánh bên và nhánh tận
  106. Mô tả khớp hông: các mặt khớp, bao khớp, dây chằng và động tác
  107. Mô tả khớp gối: các mặt khớp, dây chằng và động tác.
  108. Vẽ sơ đồ cảm giác ở mặt trước chi dưới.

109. Mô tả các nhánh tận của đám rối thắt lưng.
110. Mô tả: các tiếp nối của động mạch đùi; các tiếp nối của động mạch khoeo.
111. Mô tả: sự tiếp nối của động mạch khoeo; sự tiếp nối của các ĐM chày trước, chày sau và mu chân
112. Mô tả các cơ do thần kinh đùi chi phối (nguyên ủy, bám tận, động tác)
113. Mô tả tam giác đùi và ống cơ khớp
114. Mô tả sự chi phối thần kinh cho cơ ở các vùng mông, đùi và cẳng chân.
115. Mô tả các cơ của vùng mông
116. Mô tả các cơ vùng cẳng chân sau
117. Vẽ sơ đồ các tiếp nối của động mạch khoeo
118. Mô tả thần kinh chày
119. Mô tả thần kinh mác chung
120. Vẽ sơ đồ đám rối thần kinh cùng.